

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN PHẨM

Số : 0112.01/2025/HĐMB/SV-BEEFOOD

- ✓ Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- ✓ Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 11/01/2006;
- ✓ Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan và nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay ngày 01 tháng 12 năm 2025 tại Hà Nội, Chúng tôi- Thương nhân được đề cập trong hợp đồng này gồm:

1. BÊN BÁN:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG**
Mã số doanh nghiệp : 0106692939
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
Địa chỉ : Số 63 Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật : **Ông Ngô Hồng Thái**
CCCD số : 012076002521
Cấp ngày : 22/11/2021
Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
Số tài khoản : 835.11.003.00008
Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Hà Nội
Email xuất/nhập hoá đơn : ketoan@senvangb2b.com
điện tử

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

2. BÊN MUA:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD**
Mã số doanh nghiệp : 0109826919
Nơi cấp : Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Văn Ngọc, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật : **Ông Phùng Văn Du**

CCCD/ hộ chiếu số : 001081007650
Cấp ngày : 26/06/2022
Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

XÁC NHẬN & XÉT RÀNG:

- (i) Bên A mong muốn bán cho Bên B và Bên B mong muốn mua từ Bên A Hàng hoá (như được định nghĩa dưới đây).
- (ii) Hai Bên hoàn toàn tự nguyện, tôn trọng và thể hiện sự hiểu biết.
- (iii) Cho mục đích nêu trên, Các Bên mong muốn và thiết lập sự thỏa thuận bằng Hợp đồng Mua Bán Hàng Hóa với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1 – GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp đồng này, các từ, ngữ dưới đây được Các Bên thống nhất hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp đồng mua bán sản phẩm (hoặc Hợp đồng)**": là hợp đồng này, bao gồm các điều kiện và điều khoản quy định chi tiết trong hợp đồng và các phụ lục đính kèm, là các bộ phận không tách rời hợp đồng.
- 1.2. "**Hàng hóa (hoặc sản phẩm)**": được hiểu là các sản phẩm do Bên A sản xuất, gia công hoặc kinh doanh, phân phối.
- 1.3. "**Mỗi Bên**", "**Một Bên**" là gọi riêng Bên A hoặc Bên B. "**Các bên**", "**Hai bên**" là bao gồm Bên A và Bên B tùy từng trường hợp.
- 1.4. "**Luật**" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- 1.5. "**Ngày**", "**tháng**": trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng, "**ngày**" được hiểu là ngày Dương Lịch và "**tháng**" được hiểu là tháng Dương Lịch.
- 1.6. "**Ngày làm việc**": được hiểu là những ngày không bao gồm các ngày nghỉ là chủ nhật, các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật.

Ghi chú:

- Các viện dẫn đến Điều, khoản, điểm, mục và Phụ lục được xem là các Điều, khoản, điểm, mục, phụ lục của Hợp đồng này, trừ khi được chỉ rõ là các Điều, khoản, điểm, mục và phụ lục của một văn bản khác.

ĐIỀU 2 – ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 2.1 Cho mục đích của Hợp đồng, Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các sản phẩm như đã được định nghĩa tại Điều 1 Hợp đồng này.
- 2.2 Chi tiết mặt hàng và giá cả [căn cứ theo báo giá Bên A gửi cho Bên B và thể hiện trên hóa đơn chứng từ bán hàng].

ĐIỀU 3 – QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT HÀNG, GIAO HÀNG

3.1 Thông tin liên hệ (Bên B):

Họ và tên	Chức vụ	E-mail	Số điện thoại
Lê Thị Thu Thảo	Kế toán chốt công nợ	lethao1821411@gmail.com	0326715837
Lê Thị Thu Thảo	Người đặt đơn hàng	lethao1821411@gmail.com	0326715837
Lê Thị Thu Thảo	Người nhận báo giá	lethao1821411@gmail.com	0326715837

3.2 Đặt hàng:

Bên B đặt hàng theo **Đơn Đặt Hàng** qua e-mail hoặc zalo hoặc phương tiện điện tử phù hợp với thông lệ thương mại được nhân sự phụ trách giao dịch Hai Bên xác nhận mà không nhất thiết phải do người đại diện theo pháp luật ký

Đơn đặt hàng được xem là hợp lệ khi đáp ứng được các yêu cầu của Bên A theo Hợp đồng này và (hoặc) phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh (theo đó, đơn đặt hàng có thể áp dụng là đơn hàng ấn định tối thiểu hoặc đơn hàng chủ động). Tại thời điểm ký hợp đồng này, Bên A áp dụng đơn hàng tối thiểu.

3.3 Quy định đơn hàng tối thiểu: Bên A chỉ nhận đơn hàng tối thiểu là **05 thùng sản phẩm/đơn**. Mọi thay đổi về đơn hàng tối thiểu (nếu có), Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B biết để cùng phối hợp thực hiện.

3.4 Thời gian nhận Đơn Đặt Hàng:

Thời gian nhận Đơn Đặt Hàng: từ **thứ Hai đến thứ Bảy** và trước **15 giờ** mỗi ngày, không nhận Đơn Đặt Hàng vào **Chủ nhật và các ngày Nghỉ lễ**, cụ thể:

STT	Mặt hàng	Thời gian chốt đơn	
		Đơn hàng từ Thứ 3 - Thứ 7	Đơn hàng Thứ 2
1	Bánh mỳ, sữa	Chốt trước 15h00 ngày D-2	Chốt trước 15h00 thứ 7 tuần trước đó
2	Đồ khô, gia vị	Chốt trước 15h00 ngày D-1	Chốt trước 12h00 thứ 7 tuần trước đó

Ghi chú: D được hiểu là ngày giao hàng

Quá thời gian nói trên đơn hàng sẽ lùi lịch giao hàng sang ngày tiếp theo. Ngoại trừ các ngày nghỉ, ngày lễ tết theo quy định

3.5 Thời gian Giao hàng:

- Bên A sẽ giao hàng trong khoản thời gian từ **08h00 đến 16h00** vào các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 7 được phép lưu thông và đậu/đỗ xe trên các tuyến đường vận chuyển và giao nhận Hàng Hóa mà cơ quan chức năng cho phép, trừ các ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết luật định.

- Nếu khu vực bị cấm hoặc hạn chế lưu thông, Các Bên sẽ thỏa thuận thời gian và địa điểm giao hàng hợp lý và không loại trừ khả năng Bên B phải chịu chi phí này. Bên A không chịu trách nhiệm nào trong trường hợp giao hàng chậm do những nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên A.

ĐIỀU 4 – QUY ĐỊNH VỀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG & THỦ TỤC NHẬN HÀNG

4.1 Địa điểm giao hàng:

Bên A sẽ chỉ giao hàng tại địa chỉ Bên B chỉ định.

- Trường hợp Bên B có nhiều địa điểm giao nhận hàng khác nhau và (hoặc) Bên B thay đổi địa điểm giao nhận hàng, Bên B có trách nhiệm thông báo trước cho Bên A trước ít nhất 07 ngày để Bên A khảo sát và thỏa thuận việc giao hàng này theo những điều kiện riêng được Hai Bên thống nhất trước khi thực hiện và không loại trừ khả năng Bên B phải chịu chi phí này.
- Bên B cam kết và đảm bảo kho hàng như đã nêu tại hợp đồng này không nằm trong đường cấm xe tải, cấm dừng cấm đỗ. Nếu không đảm bảo điều kiện này thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm trung chuyển hàng vào kho Bên B và chịu các chi phí liên quan bao gồm chi phí vào cổng.

4.2 Thủ tục nhận hàng:

- Bên B có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa về số lượng cũng như chất lượng ngay khi nhận hàng hóa.
- Khi nhận hàng, Bên B có trách nhiệm ký nhận hàng cho Bên A. Trong mọi trường hợp, Bên B tự chịu trách nhiệm đối với người ký nhận hàng và chữ ký của người nhận hàng. Bất kể chi phí nào tiêu tốn vì những nhầm lẫn, thiếu sót hay do lỗi của Bên B trong việc nhận hay chuyển đơn đặt hàng sẽ do Bên B tự gánh chịu. Nếu Hàng Hóa được giao không đủ số lượng, Bên A sẽ chỉ giải quyết khi Bên B lập biên bản ngay tại chỗ thời điểm nhận hàng, có chữ ký của bên giao hàng và các bên khác liên quan (nếu có). Mọi trường hợp phản ánh sau thời điểm nhận hàng, Bên A sẽ không giải quyết.
- Bên A có quyền từ chối giao Hàng Hóa nếu Bên B vi phạm một trong các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này mà không bị xem là vi phạm Hợp đồng.

ĐIỀU 5 – GIÁ CẢ & QUY ĐỊNH THANH TOÁN

5.1 Giá cả:

- Giá hàng hóa áp dụng cho bên B được căn cứ dựa trên Bảng giá và (hoặc) văn bản thông báo Bên A đưa ra theo từng thời kỳ để áp dụng.
- Mọi sự thay đổi về giá và chính sách chiết khấu (nếu có) sẽ thuộc quyền quyết định của bên A, theo đó bên A sẽ thông báo cho bên B biết bằng văn bản, email, zalo,... trong một thời gian hợp lý để bên B thực hiện. Thời gian hợp lý được các bên thống nhất thực hiện theo thời gian do bên A đưa ra, căn cứ trên thông báo trong từng thời kỳ.

5.2 Thời hạn thanh toán:

a) Nguyên tắc chung:

- Bên A khuyến khích Bên B thanh toán toàn bộ tiền hàng một lần cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A ngay khi Đơn đặt hàng được Bên A chấp nhận và hoàn tất thanh toán trước khi Bên A tiến hành giao hàng.
- Bên A bảo lưu quyền được phép áp dụng và (hoặc) thay đổi các chính sách liên quan đến công nợ đối với Bên B và đây là đặc quyền của Bên A. Để tránh hiểu nhầm, điều này có nghĩa rằng nếu Bên A không đồng ý dư nợ trong bất kỳ một thời điểm nào (hiện tại hoặc tương lai) bằng một văn bản gửi tới Bên B, Bên B có trách nhiệm trả trước 100% giá trị đơn hàng và (hoặc) tiền hàng trước thời điểm Bên A giao hàng.
- b) **Quy định về kỳ công nợ thanh toán:** Hai bên có trách nhiệm quyết toán kỳ công nợ từ ngày 01 tới ngày cuối cùng của tháng. Về đối chiếu công nợ, hai bên sẽ căn cứ vào: Phiếu giao hàng có xác nhận hai bên, bảng kê hàng hóa trong kỳ, đề nghị thanh toán công nợ, hóa đơn GTGT phát hành của bên A để làm cơ sở thanh quyết toán.
- c) **Quy định về thời hạn thanh toán:** Chính sách thanh toán và thời hạn thanh toán áp dụng trong thời điểm ký kết hợp đồng này như sau:

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A một lần muộn nhất trước ngày 15 hàng tháng cho toàn bộ các hóa đơn phát sinh từ ngày đầu của kỳ công nợ đến ngày cuối cùng của kỳ công nợ tháng trước. Nếu ngày đến hạn thanh toán trùng với ngày/kỳ nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước của ngày đến hạn thanh toán. Về đối chiếu công nợ, hai bên sẽ căn cứ vào: Phiếu giao hàng có xác nhận hai bên, bảng kê hàng hóa trong kỳ, đề nghị thanh toán công nợ, hóa đơn GTGT phát hành của bên A để làm cơ sở thanh quyết toán.

Bên A có quyền đơn phương ngừng cung cấp hàng hóa mà không bị coi là vi phạm nếu bên B vi phạm về thời hạn thanh toán và có quyền yêu cầu bên B quyết toán toàn bộ công nợ cùng số tiền phạt vi phạm và (hoặc) bồi thường thiệt hại cho Bên A.
- d) **Quy định về phạt chậm thanh toán:**
 - Bên B phải thanh toán cho Bên A một khoản phạt vi phạm bằng 8% phần nghĩa vụ vi phạm được hiểu là trên số tiền chậm trả.
 - Bên B phải thanh toán cho Bên A một khoản tiền lãi chậm trả do vi phạm điều khoản thanh toán theo Hợp đồng bằng số tiền chậm trả x (nhân) thời gian chậm trả x (nhân) lãi suất 12%/năm.
 - Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng một hoặc đồng thời các giải pháp:
 - Bên A có quyền thu hồi lại số lượng các sản phẩm đã bán cho Bên B còn Giá Trị thương mại tương ứng với số tiền mà Bên B còn nợ theo giá đã mua từ Bên A, không bao gồm các khoản khuyến mại, thưởng đã trả cho Bên B.
 - Bên B có nghĩa vụ tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Bên A có thể thực hiện quyền thu hồi này một cách trôi chảy và trọn vẹn. Tuy nhiên, việc thu hồi này không giải trừ Bên B khỏi nghĩa vụ trả nợ cho Bên A nếu giá trị sản phẩm thu hồi không đủ so với nghĩa vụ thanh toán và không loại trừ việc Bên A đơn phương chấm dứt thỏa thuận với Bên B mà không bị xem là vi phạm.
 - Bên B phải thanh toán cho Bên A một khoản tiền lãi do chậm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả như quy định tại Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B vi phạm quy định về thanh toán, công nợ dẫn đến Bên A ngưng giao hàng thì Bên B phải bồi thường cho bên A toàn bộ chi phí có liên quan.
- Yêu cầu Bên B sử dụng tài sản cá nhân hoặc của bên thứ 3 để bảo đảm thanh toán cho công nợ với Bên A và (hoặc) Bên A có quyền tiến hành các hình thức chế tài khác mà pháp luật cho phép để đảm bảo thu hồi được số tiền chậm thanh toán, kể cả trường hợp chấm dứt hợp đồng mà không bị xem là vi phạm hợp đồng

5.3 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản chỉ định thanh toán

Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

STK: 8351100300008

Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Hà Nội

ĐIỀU 6- QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Chịu trách nhiệm pháp lý về hàng hóa xuất xứ sản phẩm với điều kiện bên B không vi phạm chế độ bảo quản hàng hóa.
- Cung ứng hàng hóa theo Đơn đặt hàng cho Bên B theo hợp đồng này.
- Cung cấp cho Bên B các hồ sơ pháp lý sản phẩm theo quy định của pháp luật liên quan.
- Gửi thông báo cho Bên B để bên B thực hiện các chính sách, yêu cầu từ Bên A.
- Bên A không có trách nhiệm thanh toán và bồi thường hoặc không có nghĩa vụ giải quyết bất kỳ yêu cầu nào khác của Bên B nếu những yêu cầu đó không phù hợp với các quy định trong hợp đồng này.
- Trong thời gian còn hạn sử dụng của sản phẩm, bao gói còn nguyên mà sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn, bên A sẽ thu hồi những hàng hóa được xác định có khiếm khuyết do sản xuất theo các chính sách của nhà sản xuất.
- Đổi trả lại những hàng hoá đã giao cho Bên B không đảm bảo chất lượng do lỗi từ phía nhà sản xuất/Bên A khi Bên B có yêu cầu. Để được đổi trả hàng hóa, Bên B có nghĩa vụ chứng minh hàng hóa lỗi là do nhà sản xuất/Bên A và lập thành biên bản kèm theo các căn cứ chứng minh gửi về cho Bên A.
- Có quyền từ chối Đơn đặt hàng của bên B trong trường hợp bên B không thực hiện đúng các quy định về công nợ, vận chuyển, điều kiện về chủng loại hàng hóa và (hoặc) không thực hiện đúng chính sách bán hàng của Bên A theo quy định của bên A trong từng thời kỳ.
- Có quyền yêu cầu Bên B thanh toán; đối chiếu xác nhận công nợ và yêu cầu Bên B thực hiện đúng các cam kết trong Hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng.

6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Cam kết luôn đủ vốn và nguồn lực hoạt động để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.
- Chịu trách nhiệm thanh toán tiền hàng theo đúng quy định của hợp đồng.

- c) Chịu phạt vi phạm, trả lãi suất và bồi thường thiệt hại theo quy định của hợp đồng.
- d) Có trách nhiệm thực hiện đúng các chính sách của Bên A trong từng thời kỳ.
- e) Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn sản phẩm theo đúng khuyến nghị của Nhà sản xuất. Trách nhiệm về những rủi ro, mất mát hàng hóa hoặc hư hỏng do chế độ bảo quản sẽ được dịch chuyển sang Bên B ngay sau thời điểm Bên A giao hàng cho Bên B.
- f) Bên B không làm ảnh hưởng đến uy tín của Bên A trong mọi trường hợp. Không cung cấp mọi thông tin thương mại có liên quan đến Bên A do hợp đồng này mang lại cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản rõ ràng của Bên A.
- g) Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ cho Bên A. Khi chưa thanh toán công nợ cho Bên A, Bên B không được chấm dứt hợp đồng này trước thời hạn. Nếu vi phạm nghĩa vụ này, Bên B ngoài việc chịu phạt hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A.
- h) Bên B được hưởng các chính sách theo hợp đồng này và theo các chính sách do Bên A ban hành theo từng thời kỳ.
- i) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu hàng hóa được giao không đúng quy cách chủng loại.
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng.

ĐIỀU 7- HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hiệu lực hợp đồng:

- i. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày [31/ 12/ 2026] ("**Thời Hạn Hiệu Lực**"), ngoại trừ trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo quy định của Hợp đồng này. Kể từ thời điểm hợp đồng này có hiệu lực, hợp đồng hai bên đã ký trước đó hết hiệu lực thi hành. Các quyền và nghĩa vụ của hai bên sẽ kế thừa và thực hiện theo Hợp đồng này.
- ii. Trường hợp nếu Hợp đồng này hết hiệu lực theo quy định tại điều 7.1.i mà các bên chưa thực hiện thủ tục gia hạn Hợp Đồng và Sen Vàng không ý kiến gì khác thì Hợp Đồng này sẽ tiếp tục gia hạn thêm 01 năm tiếp theo, trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng đã quy định theo điều 7.2 của Hợp Đồng này
- iii. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được về thời hạn phân phối thì quyền quyết định thuộc về Sen Vàng và được coi là đặc quyền của Sen Vàng.

7.2 Hợp Đồng có thể chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- a. Các Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này hoặc buộc phải chấm dứt Hợp Đồng này trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật; hoặc
- b. Một trong Các Bên tiến hành các thủ tục giải thể (tự nguyện hay bắt buộc), lâm vào tình trạng phá sản; mất khả năng thanh toán; ngừng kinh doanh; hoặc
- c. Một Bên không còn đủ điều kiện để sản xuất/kinh doanh Hàng Hóa; hoặc
- d. Một Bên gửi thông báo chấm dứt tới Bên còn lại bằng văn bản ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày chấm dứt; hoặc
- e. Bên A có thể chấm dứt hợp đồng này trong trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này.

ĐIỀU 8- BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1 Sự kiện Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt hợp đồng.
 - Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- 8.2 Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện Bất khả kháng gây ra.
- 8.3 Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện Bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 (bảy) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
- 8.4 Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình hoặc hai Bên thương lượng chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 9- TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 9.1 Mọi tranh chấp phát sinh giữa hai bên liên quan đến Hợp đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua hình thức thương lượng, bình đẳng tôn trọng giữa Các Bên.
- 9.2 Trong trường hợp thương lượng không đạt kết quả, các bên được quyền đưa việc tranh chấp ra Tòa án dân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để giải quyết.
- 9.3 Chi phí cho những hoạt động kiểm tra, xác minh, chi phí luật sư và lệ phí Tòa án do Bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 10- CÁC THỎA THUẬN KHÁC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 10.1 Tất cả các thông báo theo hợp đồng này phải được gửi bằng bưu điện, bằng fax hoặc gửi trực tiếp cho người đại diện của mỗi Bên tại địa chỉ các Bên nêu trong phần giới thiệu của hợp đồng này hoặc bất kỳ địa chỉ liên hệ nào được một Bên thông báo trước bằng văn bản cho Bên kia. Thông báo đó sẽ được xem là ngày đã được nhận nếu được giao và ký tại văn phòng của Bên nhận tại thời điểm giao.
- 10.2 Trong trường hợp một hoặc vài điều khoản của hợp đồng này bị coi là vô hiệu hoặc bị hủy bỏ, những phần còn lại vẫn được giữ nguyên giá trị và hiệu lực.
- 10.3 Trường hợp một trong hai Bên có sự phân chia, hợp nhất, đổi tên, chuyển địa điểm, thì hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với sự thay đổi đó.
- 10.4 Mỗi Bên khai trình và bảo đảm với Bên kia rằng Bên đó có thẩm quyền hợp pháp để ký kết hợp đồng này.
- 10.5 Quyền lợi của hợp đồng này sẽ không thể chuyển nhượng từng phần hoặc toàn bộ cho Bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước của Bên còn lại bằng văn bản.

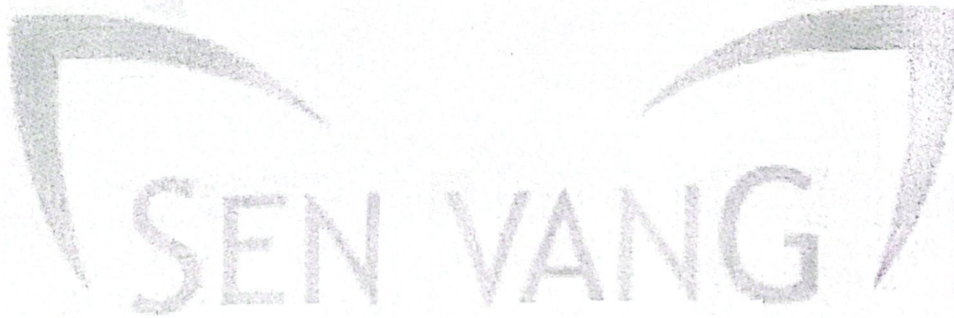
10.6 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi sự sửa đổi, bổ sung hợp đồng và phụ lục hợp đồng này phải được sự đồng ý bằng văn bản của Các Bên. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ hai (02) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Thay mặt và đại diện cho
BÊN A

CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Hồng Thái

Thay mặt và đại diện cho
BÊN B

GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Du



B2B Experts

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106692939

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 11 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 04 tháng 04 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN VANG B2B SERVICES JOINT
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SENVANG B2B SERVICE „JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02471098181

Fax:

Email: ketoan@senvangb2b.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 4.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ HỒNG THÁI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/04/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012076002521

Ngày cấp: 11/10/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn 307 GH3 CT17, Khu đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 307 GH3 CT17, Khu đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng, Quận
Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Quang Hưng**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00002

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 05 tháng 11 năm 2021

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 02 - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Nhà máy 250, Phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: PHẠM THỊ NGOAN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 05/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013559121

Ngày cấp: 14/06/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 16, phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16, phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0106692939

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN HỮU TRƯỜNG GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH BẮC NINH
Chứng nhận

Cơ sở:

Địa điểm kinh doanh số 02 - Công ty Cổ Phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Loại hình kinh doanh:

Kinh doanh thực phẩm tổng hợp

Chủ cơ sở: **Phạm Thị Ngoan**

Địa chỉ kinh doanh:

**Nhà máy 250, Phố Và, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh**

Điện thoại: 0247.109.8181

Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
(Các nhóm sản phẩm kinh doanh trong danh mục kèm theo)

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 1 năm 2025



Nguyễn Vinh Thanh

Số cấp: 016/2025/ATTP-CNĐK.TPBN

Có hiệu lực đến ngày 16 tháng 1 năm 2028



DANH MỤC HÀNG HÓA KINH DOANH TẠI CƠ SỞ

(đính kèm Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số 016/2025/ATTP-CNĐK.TPBN ngày 17/01/2025 của Ban Quản lý ATTP tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp GCN
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	x
2	Nước khoáng thiên nhiên	x
3	Phụ gia thực phẩm	x
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
1	Ngũ cốc	x
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	x
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	x
4	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	x
5	Muối	x
6	Gia vị	x
7	Đường	x
8	Chè	x
9	Cà phê	x
10	Ca cao	x
11	Hạt tiêu	x
12	Điều	x
13	Nông sản thực phẩm khác	x
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	x
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	x
3	Nước giải khát	x
4	Sữa chế biến	x
5	Dầu thực vật	x
6	Bột, tinh bột	x
7	Bánh, mứt, kẹo	x

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: Địa điểm kinh doanh số 02 - Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng.

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: 00002.

Địa chỉ/ Address: Nhà máy 250, Phố Và, Phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh.

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

Sơ chế, đóng gói, kinh doanh các sản phẩm: Lạc nhân, đỗ hạt các loại, hạt tiêu, hạt điều, vừng, mộc nhĩ, nấm hương, ớt khô, kỳ tử, táo đỏ, thảo quả, me, hạt sen khô.

Số cấp/Number: 37/2026/SNNMT-BN

Có hiệu lực đến ngày 12 tháng 5 năm 2029

Valid until (date/month/year): 12/5/2029

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 5 năm 2026

Bac Ninh, 13/5/2026



Đương Thanh Tùng

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 2505/2026/XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của bộ công thương.

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ phần dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Giấy CNĐKKD: 0106692939

Cấp ngày: Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày 25 tháng 05 năm 2026 theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Hồng Thái

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm

Số: 2505/2026/XNTHKTATTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Ngô Hồng Thái	x		Chủ cơ sở
2	Phạm Thị Ngoan		x	Chủ cơ sở
3	Hà Trọng Quân	x		Nhân viên
4	Nguyễn Đình Lực	x		Nhân viên
5	Nguyễn Đình Nam	x		Nhân viên

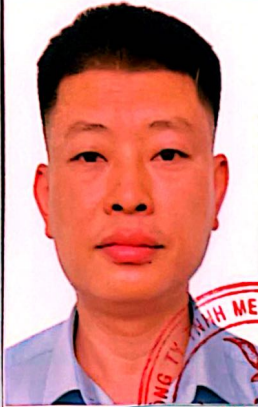




560001546297

SỔ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

STT 1



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):.....**NGÔ HỒNG THÁI**.....

2. Giới Nam ☒ Nữ ☐ 1976

3. Ngày tháng năm sinh:..... Tuổi:.....

4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Định danh CD:

5. Cấp ngày:...../...../..... tại:.....

6. Chỗ ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Nghề nghiệp:.....**BAN LÃNH ĐẠO**.....

8. Nơi công tác, học tập:.....**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG**.....

9. Ngày bắt đầu vào học/làm tại đơn vị hiện nay:...../...../.....

10. Nghề nghiệp, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a).....
thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

b).....
thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGÔ HỒNG THÁI

....., ngày 12 tháng 12 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐD. Nguyễn Thị Nguyệt

KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT (Bác sĩ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kì kinh:..... ngày; Lượng kinh:..... ngày;

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:.....; Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ:.....; Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 168 cm;

Cân nặng: 64 kg;

Chỉ số BMI:.....

Mạch: 69 lần/phút;

Huyết áp: 100/60 mmHg;

Phân loại thể lực:.....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1	Nội khoa		Ch Đã ký
a)	Tuần hoàn	Đang nhịp đều, Nhịp đều	
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	Phổi âm thanh, bình thường	
	Phân loại	I	Ch Đã ký
c)	Tiêu hóa	Bụng mềm	
	Phân loại	I	
d)	Thận - Tiết niệu	Bụng mềm	
	Phân loại	I	
đ)	Nội tiết	Bụng mềm	Ch Đã ký
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	Bụng mềm	
	Phân loại	I	

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
g)	Thần kinh	<i>Đạt</i>	<i>Ch</i>
	Phân loại	<i>I</i>	
h)	Tâm thần	<i>Đạt</i>	<i>Đạt Công Hoàng</i>
	Phân loại	<i>I</i>	
2	Ngoại khoa, Da liễu		BÁC SĨ CKII <i>Nguyễn Hữu Thành</i> <i>BS. Dương Anh Dũng</i>
	- Ngoại khoa:.....	<i>biên thường</i>	
	Phân loại:	<i>I</i>	
	- Da liễu:.....	<i>biên thường</i>	
	Phân loại:	<i>I</i>	
3	Sản phụ khoa		
	Khám phụ khoa:		
	Sàng lọc ung thư cổ tử cung:		
	Sàng lọc ung thư vú:		
	Siêu âm tử cung, phần phụ: (khi có chỉ định của Bác sĩ)		
	Phân loại:		
4	Mắt		<i>Huân</i> <i>Nguyễn Minh Hiền</i>
	Kết quả khám thị lực:		
	- Không kính: Mắt phải:..... <i>10/10</i>; Mắt trái:..... <i>10/10</i>; - Có kính: Mắt phải:.....; Mắt trái:.....;		
	Các bệnh về mắt (nếu có): <i>EM: biến thị</i>		
	Phân loại: <i>I</i>		
5	Tai - Mũi - Họng		<i>Đ</i> <i>BS. Đoàn Thị Thùy Dương</i>
	Kết quả khám thính lực:		
	- Tai trái: Nói thường:..... <i>5</i>m; Nói thầm..... <i>0,5</i>m - Tai phải: Nói thường:..... <i>5</i>m; Nói thầm..... <i>0,5</i>m		
	Các bệnh về Tai mũi họng (nếu có): <i>Viêm họng xuất huyết</i>		
	Phân loại: <i>II</i>		
6	Răng - Hàm - Mặt		<i>BS. Đào Thị Như Nguyệt</i>
	Kết quả khám: Hàm trên:..... <i>1'</i> Hàm dưới:..... <i>1'</i>		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): <i>CR III</i>		
	Phân loại: <i>I</i>		



560001546708

SỔ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

STT 2



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):.....**PHẠM. THỊ. NGOAN**.....

2. Giới Nam ☐ Nữ ☒ **X** 1981

3. Ngày tháng năm sinh:..... Tuổi:.....

4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Định danh CD:

5. Cấp ngày:...../...../..... tại:.....

6. Chỗ ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (2) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Nghề nghiệp:.....**BAN LÃNH ĐẠO**.....

8. Nơi công tác, học tập:.....**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG**.....

9. Ngày bắt đầu vào học/làm tại đơn vị hiện nay:...../...../.....

10. **Nghề nghiệp, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):**

a).....
thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

b).....
thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngovan

PHẠM THỊ NGOAN

....., ngày...*12*... tháng...*12*... năm...*2025*...

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Nguyệt
ĐD. Nguyễn Thị Nguyệt

KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT (Bác sĩ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kì kinh:..... ngày; Lượng kinh:..... ngày;

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:.....; Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ:.....; Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.07 cm;

Cân nặng: 64 kg;

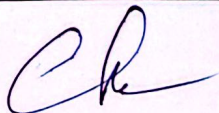
Chỉ số BMI:.....

Mạch: 80 lần/phút;

Huyết áp: 130/80 mmHg;

Phân loại thể lực:..... II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1	Nội khoa		 ThS.BS. Trần Công Hậu
a)	Tuần hoàn	<u>Tốt và đều m'đều</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
b)	Hô hấp	<u>Phổi trong m'đều</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
c)	Tiêu hóa	<u>Bình thường</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
d)	Thận - Tiết niệu	<u>Bình thường</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
đ)	Nội tiết	<u>Bình thường</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
e)	Cơ - xương - khớp	<u>Bình thường</u>	 ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại	<u>I</u>	

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
g)	Thần kinh	/	Ch
	Phân loại		
h)	Tâm thần	/	ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại		
2	Ngoại khoa, Da liễu		BÁC SĨ CKII Nguyễn Hữu Thanh
	- Ngoại khoa: D. mề' k' 1 l' h' 2 u' 8 s' u' b' i' e' t' h' u' o' n' g		
	Phân loại: II		
	- Da liễu: b' i' e' t' h' u' o' n' g		
	Phân loại: I		BS. Dương Anh Duy
3	Sân phụ khoa		
	Khám phụ khoa:		
	Sàng lọc ung thư cổ tử cung:		
	Sàng lọc ung thư vú:		
	Siêu âm tử cung, phần phụ: (khi có chỉ định của Bác sĩ)		
	Phân loại:		
4	Mắt		Kien Nguyễn Minh Hiền
	Kết quả khám thị lực:		
	- Không kính: Mắt phải: 1/10; Mắt trái: 1/10;		
	- Có kính: Mắt phải: 1/10; Mắt trái: 1/10;		
	Các bệnh về mắt (nếu có): SM: Tọa KX		
	Phân loại: II		
5	Tai - Mũi - Họng		N BS. Đoàn Thị Thủy Dương
	Kết quả khám thính lực:		
	- Tai trái: Nói thường: 1m; Nói thầm: 0,5m		
	- Tai phải: Nói thường: 1m; Nói thầm: 0,5m		
	Các bệnh về Tai mũi họng (nếu có): Viêm mũi dị ứng		
	Phân loại: II		
6	Răng - Hàm - Mặt		N BS. Đoàn Thị Như Nguyệt
	Kết quả khám: Hàm trên:		
	Hàm dưới: R 38, 48/46 Sâu, L 28 sâu		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): CR II		
	Phân loại: II		

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ
Xét nghiệm huyết học/ sinh hóa/ X-quang và xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sĩ:	
a) Kết quả: ALT: 41, 19	
b) Đánh giá	HSCKII. Phan Thanh Sơn

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe¹:

2. Các bệnh, tật (Nếu có)²:

Tăng men gan - ALT cao: Tăng CT 125.
 Vàng da niêm: Hạch to hạch (T). Gan to hoạt động mô.
 Phlegm đờm mủ: Khí lực thấp: Sinh mổ: Huyết khối: Xa
 Viêm mũi dị ứng: 04 năm: Cao răng

- Huyết khối ở mô
- XTM lại CT 125 sau 1 tháng
- Sơ nhiễm huyết niệu, ở bụng ở bụng
- Đau lưng đúng vị trí
- Đau tê ở cẳng chân, gối

....., ngày 16 tháng 12 năm 2015.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ths. BS Nguyễn Thị Huyền Thu

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế

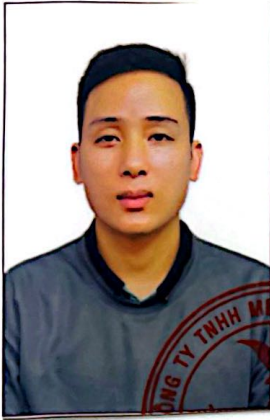
² Ghi rõ các bệnh tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).



560001546348

SỔ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

STT 52



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):.....**HÀ TRỌNG QUÂN**.....

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Ngày tháng năm sinh:.....**1988**..... Tuổi:.....

4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Định danh CD:

5. Cấp ngày:...../...../..... tại:.....

6. Chỗ ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (2) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Nghề nghiệp:.....

8. Nơi công tác, học tập:.....**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG**.....

9. Ngày bắt đầu vào học/làm tại đơn vị hiện nay:...../...../.....

10. Nghề nghiệp, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

b).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

HÀ TRỌNG QUÂN

....., ngày 12 tháng 12 năm 2025

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐD. Nguyễn Thị Nguyệt

KHÁM SỨC KHOE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT (Bác sĩ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh:..... ngày; Lượng kinh:..... ngày;

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:.....; Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ:.....; Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 158 cm;

Cân nặng: 58 kg;

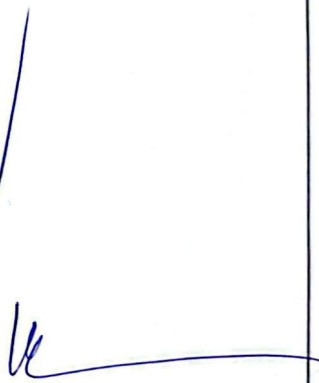
Chỉ số BMI:.....

Mạch: 86 lần/phút;

Huyết áp: 120 / 70 mmHg;

Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1	Nội khoa		 <u>Bs. Nguyễn Thị Ánh</u>
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		
d)	Thận - Tiết niệu		
	Phân loại		
đ)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại		

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
g)	Thần kinh	/ my 2	ly
	Phân loại		
h)	Tâm thần	/ my 2	sp5 - Cei les
	Phân loại		
2	Ngoại khoa, Da liễu		BÁC SĨ CKII Nguyễn Hữu Thanh
	- Ngoại khoa:.....	Biết thường I	
	Phân loại:		
	- Da liễu:.....	Hết cảm biến tay II	
3	Sản phụ khoa		B.S. Dương Anh Duy
	Khám phụ khoa:		
	Sàng lọc ung thư cổ tử cung:		
	Sàng lọc ung thư vú:		
	Siêu âm tử cung, phần phụ: (khi có chỉ định của Bác sĩ)		
	Phân loại:		
4	Mắt		Hien Nguyễn Minh Hiền
	Kết quả khám thị lực:		
	- Không kính: Mắt phải: 10/12; Mắt trái: 10/12;		
	- Có kính: Mắt phải:; Mắt trái:;		
	Các bệnh về mắt (nếu có): 2M, Bướu mắt		
5	Tai - Mũi - Họng		BS. Đoàn Thị Thùy Dương
	Kết quả khám thính lực:		
	- Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m		
	- Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m		
	Các bệnh về Tai mũi họng (nếu có): Mũi chảy I		
6	Răng - Hàm - Mặt		BS. Đào Thị Như Nguyệt
	Kết quả khám: Hàm trên:		
	Hàm dưới: 237, 47. Sâu		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): CR III, VI		
	Phân loại: II		

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ
Xét nghiệm huyết học/ sinh hóa/ X-quang và xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sĩ: a) Kết quả: b) Đánh giá	 BSC KII. Phan Thanh Sơn

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe¹:

2. Các bệnh, tật (Nếu có):

- Δu is a Riemannian metric.

....., ngày 16 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ths. BS Nguyễn Thị Huyền Thu

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế

² Ghi rõ các bệnh tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).

X-QUANG



560001546346

SỔ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

STT 50



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):.....**NGUYỄN ĐÌNH LỰC**.....

2. Giới Nam ☒ Nữ ☐

1998

3. Ngày tháng năm sinh:..... Tuổi:.....

4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Định danh CD:

5. Cấp ngày:...../...../.....tại:.....

6. Chỗ ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Nghề nghiệp:.....

Giáo viên

8. Nơi công tác, học tập:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

9. Ngày bắt đầu vào học/làm tại đơn vị hiện nay:...../...../.....

10. Nghề nghiệp, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

b).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	

....., ngày 11 tháng 11 năm 2021...

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký

NGUYỄN ĐÌNH LỰC

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký

ĐD. Nguyễn Thị Nguyệt

KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT (Bác sĩ khám sức khoẻ hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kì kinh:..... ngày; Lượng kinh:..... ngày;

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:.....; Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ:.....; Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

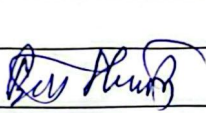
Chiều cao: 166 cm; Cân nặng: 61 kg; Chỉ số BMI:.....

Mạch: 72 lần/phút; Huyết áp: 100/70 mmHg;

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1	Nội khoa		 ThS.BS. Trần Công Hậu
a)	Tuần hoàn	<u>Tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
b)	Hô hấp	<u>Tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
c)	Tiêu hóa	<u>Tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
d)	Thận - Tiết niệu	<u>Tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
d)	Nội tiết	<u>Tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
e)	Cơ - xương - khớp	<u>Tốt</u>	 ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại	<u>I</u>	

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại		
2	Ngoại khoa, Da liễu		BÁC SĨ CKII  Nguyễn Hữu Thanh
	- Ngoại khoa:.....	biết thường	
	Phân loại:	I	 BS. Dương Anh Duy
	- Da liễu:.....	biết thường	
	Phân loại:	I S	
3	Sân phụ khoa		
	Khám phụ khoa:		
	Sàng lọc ung thư cổ tử cung:		
	Sàng lọc ung thư vú:		
	Siêu âm tử cung, phần phụ: (khi có chỉ định của Bác sĩ)		
	Phân loại:		
4	Mắt		 Nguyễn Minh Hiền
	Kết quả khám thị lực:		
	- Không kính: Mắt phải:..... ; Mắt trái:..... ;		
	- Có kính: Mắt phải:.....; Mắt trái:.....;		
	Các bệnh về mắt (nếu có): 2 M, Bình thường		
5	Tai - Mũi - Họng		 BS. Đoàn Thị Thùy Dương
	Kết quả khám thính lực:		
	- Tai trái: Nói thường:..... m; Nói thầm:..... m		
	- Tai phải: Nói thường:..... m; Nói thầm:..... m		
	Các bệnh về Tai mũi họng (nếu có): Viêm họng & u xơ họng		
6	Răng - Hàm - Mặt		 BS. Đào Thị Như Nguyệt
	Kết quả khám: Hàm trên:..... 		
	Hàm dưới:.....		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): CK II, viêm lợi II		
	Phân loại: I		

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ
Xét nghiệm huyết học/ sinh hóa/ X-quang và xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sĩ: a) Kết quả: b) Đánh giá	 BSCKII. Phan Thanh Sơn

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe¹:

2. Các bệnh, tật (Nếu có):

Uốn ngang xuôi 'thết'. Cao căng nếm 'lời'.

Дані та оцінки, РМ

....., ngày 16 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ths. BS Nguyễn Thị Huyền Thu

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế

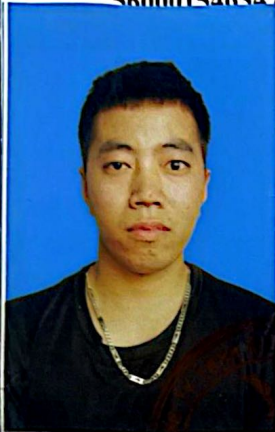
² Ghi rõ các bệnh tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).



560001546347

SỔ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

STT 51



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):.....**NGUYỄN ĐÌNH NAM**.....

2. Giới Nam ☒ Nữ ☐

3. Ngày tháng năm sinh:.....**1999**..... Tuổi:.....

4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Định danh CD:

5. Cấp ngày:...../...../..... tại:.....

6. Chỗ ở hiện tại:.....

Số điện thoại:.....

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (2) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Nghề nghiệp:.....

8. Nơi công tác/ học tập:.....**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG**.....

9. Ngày bắt đầu vào học/làm tại đơn vị hiện nay:...../...../.....

10. Nghề nghiệp, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

b).....

thời gian làm việc năm tháng, từ ngày /..... /..... đến /..... /.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:.....

.....

.....

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nam
Ng. Đình Nam

NGUYỄN ĐÌNH NAM

....., ngày **12** tháng **12** năm **2025**.....

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguy
ĐD. Nguyễn Thị Nguyệt

KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT (Bác sĩ khám sức khoẻ hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Đều ☐ Không đều ☐

Chu kì kinh:..... ngày; Lượng kinh:..... ngày;

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:.....; Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ:.....; Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 153 cm;

Cân nặng: 56 kg;

Chỉ số BMI:.....

Mạch: 81 lần/phút;

Huyết áp: 110/70 mmHg;

Phân loại thể lực: II

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1	Nội khoa		 ThS.BS. Trần Công Hậu
a)	Tuần hoàn	<u>Tuần hoàn tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
b)	Hô hấp	<u>phổi tốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
c)	Tiêu hóa	<u>Buốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
d)	Thận - Tiết niệu	<u>Buốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
đ)	Nội tiết	<u>Buốt</u>	
	Phân loại	<u>I</u>	
e)	Cơ - xương - khớp	<u>Buốt</u>	 ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại	<u>I</u>	

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		ThS.BS. Trần Công Hậu
	Phân loại		
2	Ngoại khoa, Da liễu		BÁC SĨ CKII Nguyễn Hữu Thanh
	- Ngoại khoa: Mắt 1/2, mắt 3, nội 3, bìu 4 (P) I		
	Phân loại:		
	- Da liễu: I S		
3	Sân phụ khoa		BS. Dương Anh Dũng
	Khám phụ khoa:		
	Sàng lọc ung thư cổ tử cung:		
	Sàng lọc ung thư vú:		
	Siêu âm tử cung, phần phụ: (khi có chỉ định của Bác sĩ)		
	Phân loại:		
4	Mắt		
	Kết quả khám thị lực:		
	- Không kính: Mắt phải: 10/10; Mắt trái: 10/10;		
	- Có kính: Mắt phải: ; Mắt trái: ;		
	Các bệnh về mắt (nếu có): MT: Cắt mắt Chườm ng nhà		
5	Tai - Mũi - Họng		BS. Đoàn Thị Thủy Dương
	Kết quả khám thính lực:		
	- Tai trái: Nói thường: m; Nói thầm: m		
	- Tai phải: Nói thường: m; Nói thầm: m		
	Các bệnh về Tai mũi họng (nếu có): Viêm họng kinh		
6	Răng - Hàm - Mặt		BS. Đào Thị Như Nguyệt
	Kết quả khám: Hàm trên: R 27, 28, 16, 17, 18. Sườn 15, 16		
	Hàm dưới: R 37, 38. Sườn 15, 16		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): CR III, viêm lợi		
	Phân loại: III		

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ
Xét nghiệm huyết học/ sinh hóa/ X-quang và xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sĩ:	
a) Kết quả: MCV 76,8 MCH: 25,4	 BSCKII. Phan Thanh Sơn
b) Đánh giá	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe¹:

2. Các bệnh, tật (Nếu có)²:

IV
 Tổng cầu nhỏ như sỏi. Thị lực thấp.
 Mắt đôi, ngón tay còi. Uốn cong kích ứng. O.K. sau, v.
 Cao cao, vòm lồi.
 Điều trị AC LAM, STM.

....., ngày 16 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ths. BS Nguyễn Thị Huyền Thu

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế

² Ghi rõ các bệnh tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/B2B SEN VANG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

Mã số doanh nghiệp: 0106692939

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 37/2026/SNNMT-BN; Ngày cấp: 13-05-2026;
Nơi cấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Vùng Sen'sGiavi

2. Thành phần: 100% vùng khô

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao PP dệt hoặc túi nhựa PE, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.



- Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Xuất xứ nguyên liệu: Pakistan

Sản xuất bởi: SAKHI INTERNATIONAL

Địa chỉ: SUITE #404, POONAWALA TRADE TOWER, CHABBA STREET, OPP. CITY COURT, KARACHI - PAKISTAN

Đóng gói bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG – ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

1. Tên sản phẩm dự kiến: Vòng Sen'sGiavi

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

3. Xuất xứ nguyên liệu: Pakistan

4. Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 4kg, 5kg, 10kg hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

6. Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

7. Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% vùng khô

9. Thông tin, cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm khi đã quá hạn hoặc thấy có màu sắc, mùi vị lạ

010
CÔ
CÔ
DỊCH
B SE
Y PH

- Không sử dụng sản phẩm đối với người dị ứng với vùng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm dùng để chế biến các món ăn.

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời.

11. Công dụng sản phẩm: Là thực phẩm thông thường (không sử dụng làm dược liệu, thực phẩm chức năng).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

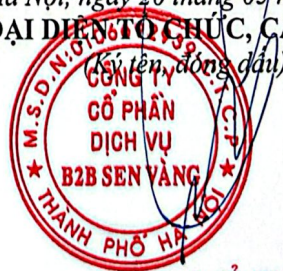
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Hồng Thái

NỘI DUNG GHI NHẬN CHÍNH

Tên sản phẩm: Vàng Sen'sGiavi

Thành phần: 100% vàng khô

Khối lượng tịnh:

Ngày sản xuất:

Ngày đóng gói:

Hạn sử dụng:

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm dùng để chế biến các món ăn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi đã quá hạn hoặc thấy có màu sắc, mùi vị lạ hoặc dị ứng với vàng

Sản xuất bởi: SAKHI INTERNATIONAL

Địa chỉ: SUITE #404, POONAWALA TRADE TOWER, CHABBA STREET, OPP. CITY COURT, KARACHI - PAKISTAN

Đóng gói, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Xuất xứ nguyên liệu: Pakistan

Số tự công bố: 12/B2B SEN VANG/2026



Số: 13871/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Vùng Sen'sGiaVi
2. Mã số mẫu: 122520866/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG
Địa chỉ: Số 63, Phố Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/12/2025
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/12/2025 - 10/03/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nylon hàn mép, 100 g/túi. Thông tin mẫu viết tay trên túi.
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng hạt khô, nguyên vẹn, màu trắng ngà, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Deoxynivalenol	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 60)
9.5*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.6*	Hàm lượng Zearalenone	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 3)
9.7*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,020)
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,040

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (e) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3 KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.



10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/B2B SEN VANG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

Mã số doanh nghiệp: 0106692939

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 37/2026/SNNMT-BN; Ngày cấp: 13-05-2026;
Nơi cấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mộc nhĩ Sen'sGiavi

2. Thành phần: 100% mộc nhĩ khô

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao PP dệt hoặc túi nhựa PE, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.



- Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Xuất xứ: Trung Quốc

Sản xuất bởi: GUTIAN HZX FOOD CO., LTD

Địa chỉ sản xuất: GUTIAN HZX FOOD CO., LTD; NO. 128. SOUTH 4TH ROAD, NO.164, CHENGXI STREET, GUTIAN COUNTY; NO. 128. SOUTH 4TH ROAD, NO.164, CHENGXI STREET, GUTIAN COUNTY

Đóng gói bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG – ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

1. Tên sản phẩm dự kiến: Mộc nhĩ Sen'sGiavi

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

3. Xuất xứ hàng hóa: Trung Quốc

4. Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 4kg, 5kg, 10kg hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

6. Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

7. Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% mộc nhĩ khô

9. Thông tin, cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm khi đã quá hạn hoặc thấy có màu sắc, mùi vị lạ
- Không sử dụng sản phẩm đối với người dị ứng với một số

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn trực tiếp sau khi nấu chín hoặc dùng để chế biến các món ăn.

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời.

11. Công dụng sản phẩm: Là thực phẩm thông thường (không sử dụng làm dược liệu, thực phẩm chức năng).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Hồng Thái

NỘI DUNG GHI NHÃN CHÍNH

Tên sản phẩm: **Mộc nhĩ Sen'sGiavi**

Ngày sản xuất:

Ngày đóng gói:

Hạn sử dụng:

Khối lượng tịnh:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao PP dệt hoặc túi nhựa PE, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

Đóng gói, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Sản xuất bởi: GUTIAN HZX FOOD CO., LTD

Địa chỉ: GUTIAN HZX FOOD CO., LTD; NO. 128. SOUTH 4TH ROAD,
NO.164, CHENGXI STREET, GUTIAN COUNTY; NO. 128. SOUTH 4TH
ROAD, NO.164, CHENGXI STREET, GUTIAN COUNTY

Thành phần: 100% mộc nhĩ khô

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn trực tiếp sau khi nấu chín hoặc dùng để chế biến các món ăn

Số tự công bố: 09/B2B SEN VANG/2026

Xuất xứ: Trung Quốc





Số: 13861/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Mộc nhĩ Sen'sGiaVi
2. Mã số mẫu: 122520877/DV.3
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG
Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/12/2025
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/12/2025 - 10/03/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon hàn mép, 200 g/túi. Thông tin mẫu viết tay trên túi.
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Mẫu khô, rời, một mặt màu đen và một mặt màu nâu vàng nhạt, mùi đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Hàm lượng Nước	NIFC.02.M.02	%	15,3
9.3*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,051
9.4*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.5*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,058
9.6*	Hàm lượng Thủy ngân	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.7*	Hàm lượng Cyromazine	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.8*	Hàm lượng Deltamethrin	EN 15662:2018 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,003)
9.9*	Hàm lượng Diflubenzuron	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.10*	Hàm lượng Metrafenone	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.11*	Hàm lượng Permethrin	EN 15662:2018 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,003)
9.12*	Hàm lượng Prochloraz	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.13*	Hàm lượng Thiabendazole	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

PGS. TS. Trần Cao Sơn

VILAS 203

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/B2B SEN VANG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

Mã số doanh nghiệp: 0106692939

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 37/2026/SNNMT-BN; Ngày cấp: 13-05-2026;
Nơi cấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Đồ đen Sen'sGiavi

2. Thành phần: 100% đồ đen khô

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao PP dệt hoặc túi nhựa PE, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.



- Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Xuất xứ: Việt Nam

Đóng gói bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG – ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 2

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

1. Tên sản phẩm dự kiến: Đỗ đen Sen'sGiavi

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02471098181

3. Xuất xứ nguyên liệu: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: Đóng gói theo túi 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 4kg, 5kg hoặc theo yêu cầu của người sử dụng

5. Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

6. Ngày đóng gói: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

7. Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% đỗ đen khô

9. Thông tin, cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm khi đã quá hạn hoặc thấy có màu sắc, mùi vị lạ

- Không sử dụng sản phẩm đối với người dị ứng với đỗ đen

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

0106
CÔ
CÔ
DỊCH
2B SE
H PH

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn trực tiếp sau khi nấu chín, rang, sấy ... hoặc dùng để chế biến các món ăn.

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời.

11. Công dụng sản phẩm: Là thực phẩm thông thường (không sử dụng làm dược liệu, thực phẩm chức năng).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Hồng Thái

NỘI DUNG GHI NHÃN CHÍNH

Tên sản phẩm: Đồ đen Sen'sGiavi

Thành phần: 100% đồ đen khô

Khối lượng tịnh:

Ngày sản xuất:

Ngày đóng gói:

Hạn sử dụng:

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn trực tiếp sau khi nấu chín, rang, sấy ... hoặc dùng để chế biến các món ăn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi đã quá hạn hoặc thấy có màu sắc, mùi vị lạ hoặc dị ứng với đồ đen

Đóng gói, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng

Địa chỉ: Số 63 phố Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ nhà xưởng: Nhà máy 250-1, phố Và, Phường Hạp Lĩnh, Tỉnh Bắc Ninh

Xuất xứ nguyên liệu: Việt Nam

Số tự công bố: 05/B2B SEN VANG/2026



Số: 13872/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Đỗ đen trắng lòng Sen'sGiaVi
2. Mã số mẫu: 122520866/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ B2B SEN VÀNG
Địa chỉ: Số 63, Phố Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 11/12/2025
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 11/12/2025 - 10/03/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon hàn mép, 1 kg/túi. Thông tin mẫu viết tay trên túi.
Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng hạt khô, vỏ bên ngoài màu đen, bên trong màu trắng ngà đến màu vàng nhạt, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Deoxynivalenol	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 60)
9.5*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.6*	Hàm lượng Zearalenone	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 3)
9.7*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,020)
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,010
9.9*	Hàm lượng Acephate	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.10*	Hàm lượng Acetamiprid	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.11*	Hàm lượng Bentazone	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.12*	Hàm lượng Chlorantraniliprole	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.13*	Hàm lượng Clethodim	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.14*	Hàm lượng Clothianidin	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,003)
9.15*	Hàm lượng Cycloxydim	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.16*	Hàm lượng Cyprodinil	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.17*	Hàm lượng Difenconazole	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.18*	Hàm lượng Emamectin benzoate	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.19	Hàm lượng Fenamidone	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.20*	Hàm lượng Fludioxonil	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.21*	Hàm lượng Fluxapyroxad	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.22*	Hàm lượng Haloxyfop	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.23*	Hàm lượng Imazamox	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.24*	Hàm lượng Imidacloprid	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.25*	Hàm lượng Malathion	EN 15662:2018 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,003)
9.26*	Hàm lượng Methamidophos	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.27*	Hàm lượng Methomyl	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.28*	Hàm lượng Myclobutanil	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.29*	Hàm lượng Penthiopyrad	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.30*	Hàm lượng Spinetoram	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.31*	Hàm lượng Thiamethoxam	EN 15662:2018 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/ Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/ Not applicable.

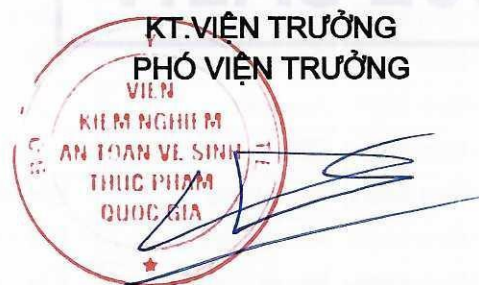
10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026



PGS. TS. Trần Cao Sơn